

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần một

LỊCH SỬ THỂ GIỚI THỜI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI

Chương I

XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

Bài 1

SỰ XUẤT HIỆN LOÀI NGƯỜI VÀ BẦY NGƯỜI NGUYÊN THỦY

(1 tiết)

I - MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

HS cần hiểu những mốc và bước tiến trên chặng đường dài, phấn đấu qua hàng triệu năm của loài người nhằm cải thiện đời sống và cải biến bản thân con người.

2. Về tư tưởng, tình cảm

Thấy được vai trò và tác dụng của lao động trong tiến trình phát triển của xã hội loài người.

3. Về kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng trình bày nội dung lịch sử kết hợp với sử dụng mô hình, tranh ảnh khảo cổ học.

II - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Chú ý các mốc thời gian và các thành tựu qua từng thời kì.

2. Về phương pháp

Trước hết đây là một bài khó. Khó ở chỗ sự kiện rất phong phú, có những khái niệm trừu tượng, lại liên quan tới nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống. Đó cũng là chỗ lí thú nhưng cũng nên đề phòng vì dễ bị sa đà, thiếu giờ. Chú ý hướng dẫn HS học tập thông qua các hoạt động trên lớp, do GV hướng dẫn.

III - THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY — HỌC

Mô hình trong phòng bộ môn, sưu tầm tranh ảnh.

– GV nên giảng bài này trong phòng bộ môn, kết hợp giảng và chỉ dẫn mô hình *Người tối cổ* còn gọi là người đứng thẳng (*Homo Erectus*) tìm thấy ở Trung Quốc, Gia-va và *Người tinh khôn* ; cùng với mô hình công cụ thời đá cũ, đá cũ hậu kì và thời đá mới (phục chế bằng thạch cao).

– GV chuẩn bị một quyển ảnh và tranh vẽ các mô hình trên hoặc chuẩn bị một tập tranh tự vẽ theo các sách lịch sử – giáo trình Đại học.

IV - GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài học

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

Bài có 3 mục, đều có quan hệ tương hỗ, chặt chẽ với nhau ; GV hướng dẫn HS hoạt động để nắm được những ý chính của bài theo mục đích sau :

Mục 1. Sự xuất hiện loài người và đời sống bầy người nguyên thủy, có những ý cơ bản sau :

– Loài người do một loài vượn giống Người (*Hominid*) chuyển biến thành, nhờ quá trình lao động và trải qua một chặng đường quá độ dài, có tính chất chuyển tiếp, trung gian, là *Người tối cổ* (có tác giả gọi là *Người thái cổ* hay *Người thượng cổ*).

– Đời sống vật chất của *Người tối cổ* :

+ Có công cụ đá cũ (sơ kì).

+ Kiếm sống bằng lao động tập thể với phương thức hái lượm và săn bắt (hay săn đuổi).

+ Từ chỗ biết giữ lửa tự nhiên để dùng tới chỗ biết tạo ra lửa.

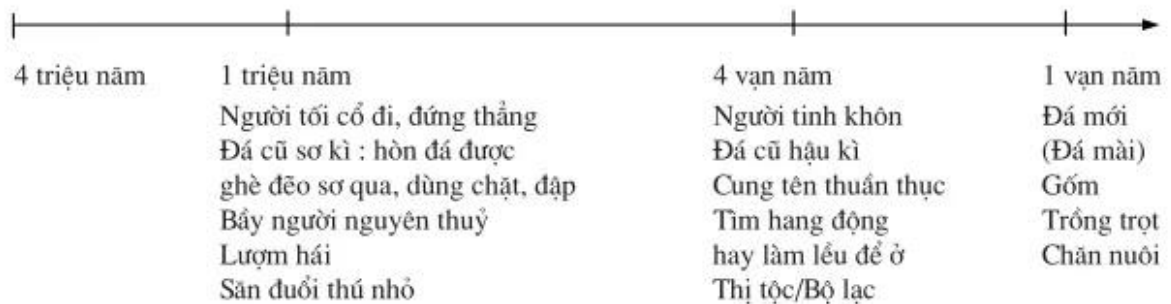
– Quan hệ quần thể của Người tối cổ được gọi là Bầy người nguyên thủy.

Đó là 3 ý cơ bản, tối thiểu mà HS cần hiểu. Tuy nhiên, GV có thể giải thích để HS hiểu và nắm chắc hơn.

– Người tối cổ được coi là Người, vì đã có chế tác và sử dụng công cụ (mặc dù còn quá thô sơ : có thể cho xem ảnh hoặc hình mẫu hoặc vẽ trên bảng theo mẫu của chiếc rìu tay bằng đá).

– Về hình dáng, Người tối cổ không còn là vượn, tuy ít nhiều còn dấu tích vượn trên người (có thể cho xem tranh kèm theo lời mô tả).

Vẽ biểu đồ thời gian của Người tối cổ như sau (GV vẽ sẵn biểu đồ và chỉ dẫn) :



GV giải thích cho HS hiểu sơ qua : từ 4 triệu đến 1 triệu năm là quá trình chuyển biến từ vượn giống Người (Hominid) đã biết sử dụng hòn đá, cây gậy có sẵn nhưng chưa biết chế tác công cụ. Từ 1 triệu năm trở về sau, Người (Homo), tức là Người tối cổ hay Người đứng thẳng (Homo Erectus) mới biết chế tác đồ đá cũ sơ kì.

Mục 2. Người tinh khôn và óc sáng tạo, có 2 ý cơ bản :

– Tối thiểu, GV cho HS nhận biết *Người tinh khôn* đã có vóc dáng như người ngày nay, nên còn gọi là *Người hiện đại* (đây là những thuật ngữ khảo cổ học để chỉ loại hình người ngày nay) và mốc thời gian xuất hiện sớm nhất (4 vạn năm).

GV có thể giải thích thêm về cấu tạo cơ thể và việc xuất hiện Người tinh khôn gắn liền với sự xuất hiện chủng tộc, hướng dẫn HS nắm được ý trong bài về các chủng tộc và tính chất của chủng tộc (sự phân biệt bề ngoài). Tuy nhiên, GV không cần mở rộng việc giải thích.

– "Óc sáng tạo" là sự sáng tạo của Người tinh khôn trong việc cải tiến công cụ, nâng cao hiệu quả lao động và sản xuất, qua hai quá trình : *Người tinh khôn* từ

đá cũ hậu kì đến chế tác đá mới (ghè sắc và mài nhẵn) và biết chế tác thêm công cụ mới : cung tên và lao.

Quá trình này kéo dài 3 vạn năm, thời đá cũ hậu kì mới đến đá mới, 1 vạn năm trước ngày nay.

Mục 3. Cuộc cách mạng thời đá mới

Đây là một thuật ngữ khảo cổ học nhưng rất thích hợp với thực tế của con người.

Từ khi *Người tinh khôn* hay *Người hiện đại* (*Homo sapiens sapiens*) xuất hiện, thời *đá cũ hậu kì*, con người đã có một bước tiến dài : đã có "cư trú nhà cửa", đã sống ổn định và lâu dài (lớp vỏ ốc sâu 1m chứng tỏ có thể lâu tới cả nghìn năm) trong hang động hay làm lều ở ngoài trời ; săn bắn và lao cá đã có hiệu quả hơn, người ta đã bắt đầu có "quần áo" và vòng trang sức. Nhưng như thế cũng phải kéo dài, tích lũy kinh nghiệm tới 3 vạn năm, từ 4 vạn đến 1 vạn năm trước đây mới bắt đầu thời đá mới. Thời đá mới, *Người tinh khôn* lấy đá ghè sắc, mài nhẵn, dùng làm rìu, dao, nạo. Họ còn lấy xương cá, cành cây đem mài hoặc đẽo nhọn đầu để làm lao. Từ đó, con người tiến tới biết chế tạo cung tên. Cung tên là một thành tựu lớn trong toàn bộ quá trình chế tạo công cụ và vũ khí. Với cung tên, con người mới săn bắn có hiệu quả và an toàn. Từ chỗ lượm hái hạt, quả, củ, được nhiều, người ta biết cách trông rọt ; từ chỗ săn được nhiều thú, người ta biết cách chăn nuôi ; như thế từ chỗ *thu lượm cái sẵn có* tới chỗ *biết làm cho nó sinh sôi nảy nở*, theo chu kì, người ta đã thực sự làm cuộc cách mạng đá mới. GV cần hướng dẫn HS nhận thức và giải thích được thuật ngữ "cuộc cách mạng đá mới".

Cũng từ đây, người ta biết làm đồ gốm.

3. Sơ kết bài

Nêu lại sơ đồ 3 giai đoạn trên, giải thích sự tiến bộ liên tục từ thấp đến cao, nhưng lại là những bước chuyển lớn (có tính chất "cách mạng").

V - TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đến thời đại đồ đá mới, kĩ thuật mài được phổ biến rộng rãi... Ở sơ kì thời đại đồ đá mới, thường công cụ chỉ được mài ở phần lưỡi. Sang hậu kì thời đại đồ đá mới và thời đại đồng thau, công cụ đá được mài toàn bộ các mặt. Trước khi mài, người nguyên thủy ghè đẽo để cho công cụ có dạng cần thiết. Công cụ mới đẽo chưa mài đó được gọi là *phác vật*. Người ta đem phác vật mài lên những bàn mài bằng sa thạch – một loại đá cát. Để mài cho chóng, người ta đổ nước và cát vào chỗ mài.

... Kỹ thuật khoan đá đã có mầm mống ở hậu kì thời đại đồ đá cũ, nhưng chỉ phổ biến vào thời đại đồ đá mới. Người thời đại đồ đá mới đã biết dùng khoan dây và có thể có nhiều kiểu công cụ khoan nguyên thủy khác nhau. Nhờ chuyển động của dây để quay mũi khoan và sức ấn, người nguyên thủy bấy giờ đã có thể tạo ra được các lỗ khoan nhanh chóng và chính xác... Để khoét các lỗ tròn giữa các vòng trang sức, người ta còn dùng một lối khoan đặc biệt để tạo ra một rãnh tròn, rãnh này sâu dần cho đến khi lõi tròn ở giữa tách ra khỏi vòng đá.

... Kỹ thuật cưa đá cũng được phổ biến trong thời đại đồ đá mới. Lưỡi cưa làm bằng đá cứng hay gỗ cứng. Trong khi cưa, người ta đổ nước và rắc cát vào rãnh cưa để cưa được nhanh. Với kỹ thuật cưa, người thời đại đồ đá mới có thể tạo ra các công cụ có hình dạng theo ý muốn một cách chính xác, ít bị hỏng như với kỹ thuật ghè đẽo... Người nguyên thủy thường dùng cưa để tạo ra các khối đá chữ nhật trước khi đem mài thành rìu, bôn, hay đục... Thường người ta cưa từ hai mặt khối đá. Điều đó đòi hỏi người nguyên thủy phải có một sự dự toán chính xác...

(Theo : Trần Quốc Vượng – Hà Văn Tấn – Diệp Đình Hoa,
Cơ sở khảo cổ học, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H., 1975)